

PHONG CÁCH NGÔN NGỮ CHÍNH LUẬN

I. VĂN BẢN CHÍNH LUẬN VÀ NGÔN NGỮ CHÍNH LUẬN

1. Tìm hiểu văn bản chính luận

- Văn bản chính luận thời xưa viết theo kiểu: hịch, cáo, sách, chiếu,...
- Văn bản chính luận hiện đại bao gồm: các cương lĩnh, tuyên bố, tuyên ngôn,...
- Trong đoạn "Tuyên ngôn độc lập" ta thấy:
 - + Thể loại của văn bản là: tuyên ngôn
 - + Mục đích viết văn bản: trình bày quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam nhân ngày khai sinh nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - + Thái độ và quan điểm của người viết: khẳng khái, quyết liệt khẳng định chắc chắn nền độc lập của dân tộc Việt Nam.
- Trong đoạn văn b "Cao trào chống Nhật, cứu nước" ta thấy:
 - + Thể loại văn bản: bài bình luận thời sự
 - + Mục đích viết văn bản: Cho người đọc thấy được thành công của cuộc kháng chiến chống Nhật của nhân dân ta, ca ngợi chiến công vẻ vang đó. Đồng thời cho thấy tinh thần rệu rã của quân Nhật, kêu gọi nhân dân ta kháng chiến.
 - + Thái độ, quan điểm của người viết: Ca ngợi, tự hào.
- Trong đoạn văn c "Việt Nam đi tới" ta thấy:
 - + Thể loại của bài viết: xã luận
 - + Mục đích viết văn bản: Bài viết chào mừng nhân dịp năm mới tới.
 - + Thái độ, quan điểm của người viết: Hân hoan, rạo rức, khí thế đón mừng năm mới.

2. Nhận xét chung về văn bản chính luận và ngôn ngữ chính luận

- Ngôn ngữ chính luận là ngôn ngữ được dùng trong các văn bản chính luận hoặc lời nói miệng (khẩu ngữ) trong các buổi hội nghị, hội thảo, nói chuyện, thời sự,... nhằm trình bày, đánh giá, bình luận các sự kiện, những vấn đề về chính trị, xã hội, văn hóa, tư tưởng,... theo một quan điểm chính trị nhất định.

II. CÁC PHƯƠNG TIỆN DIỄN ĐẠT VÀ ĐẶC TRƯNG CỦA PCNN CHÍNH LUẬN

1. Các phương tiện diễn đạt

a. Về từ ngữ

- Văn bản chính luận thường sử dụng nhiều từ ngữ chính trị: đồng bào, bình đẳng, độc lập, tự do...
- Nhiều từ ngữ thuộc văn bản chính luận nhưng được sử dụng trong sinh hoạt chính trị nên được sử dụng rộng rãi như từ ngữ toàn dân, không còn quan niệm đó là từ ngữ lí luận: đa số, thiểu số, phát xít...

b. Về ngữ pháp

- Câu văn trong văn bản chính luận có kết cấu chuẩn mực, gắn với phán đoán logic trong một hệ thống lập luận, các câu có sự liên kết với nhau.
- Các câu văn thường dùng các từ liên kết: vì... nên..., bởi vì... nên, tuy... nhưng...

c. Về biện pháp tu từ:

- Có thể sử dụng biện pháp tu từ một cách hợp lí.
- Cần diễn đạt sao cho khúc triết, rõ ràng.

2. Đặc trưng của phong cách ngôn ngữ chính luận

- Tính công khai về quan điểm chính trị
- Tính chặt chẽ trong diễn đạt và suy luận
- Tính truyền cảm, thuyết phục

III. BÀI TẬP Củng Cố

Bài tập 1: Trang 99 sgk ngữ văn 11 tập 2

Phân biệt khái niệm nghị luận và chính luận.

Bài làm:

Phân biệt khái niệm nghị luận và chính luận

Tiêu chí	Nghị luận	Chính luận
Khái niệm	Thao tác tư duy, phương tiện biểu đạt, một kiểu bài làm văn trong nhà trường	Một phong cách ngôn ngữ do cách thức sử dụng ngôn ngữ hình thành những đặc trưng, độc lập với các phong cách ngôn ngữ khác
Phạm vi sử dụng	Tất cả mọi lĩnh vực	Trình bày quan điểm về một vấn đề chính trị

Bài tập 2: Trang 99 sgk ngữ văn 11 tập 2

Vì sao có thể khẳng định đoạn văn sau đây thuộc phong cách chính luận?

Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước

(Hồ Chí Minh, *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*)

Bài làm:

Đoạn văn "Dân ta có một lòng yêu nước nồng nàn... lũ bán nước và lũ cướp nước" là đoạn văn chính luận bởi vì:

- Thể loại của văn bản: bình luận xã hội.
- Mục đích viết văn bản: trình bày, đánh giá một vấn đề mang tính thời sự, chính trị: tinh thần yêu nước của nhân dân ta.
- Ngôn ngữ: từ ngữ chính trị (yêu nước, truyền thống, dân, Tổ quốc, xâm lăng, bán nước, cướp nước...) câu văn là những nhận định, phán đoán.

Bài tập 3: Trang 99 sgk ngữ văn 11 tập 2

Phân tích bài "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh (*Ngữ Văn 10*, tập một, tr.23) để chứng minh: Lời văn trong văn bản giản dị, dễ hiểu, ngắn gọn nhưng diễn đạt nội dung phong phú, lập luận vững chắc.

Gợi ý: Phân tích mặt diễn đạt của văn bản qua các luận điểm:

- Tình thế nào buộc chúng ta phải chiến đấu??
- Chúng ta chiến đấu bằng vũ khí gì?
- Niềm tin tất thắng của chúng ta.

Bài làm:

- "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh có lời văn trong văn bản giản dị, dễ hiểu, ngắn gọn nhưng diễn đạt nội dung phong phú, lập luận vững chắc.

+ Tình thế buộc ta phải kháng chiến: Ta đã nhân nhượng nhưng thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng có ý đồ cướp nước ta một lần nữa.

+ Chúng ta chiến đấu bằng: bất kì người Việt Nam nào với bất kì phương tiện gì cũng có thể dùng làm vũ khí đều phải đứng lên chống Pháp (từ ngữ giản dị: đàn ông, đàn bà, người già, người trẻ; vũ khí: súng, gươm, cuốc, thuổng, gậy gộc...). Cho thấy tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

+ Niềm tin tất thắng của quân dân ta: kháng chiến nhất định thắng lợi.

+ Qua những luận điểm trên ta có thể thấy tình yêu nước và tinh thần chiến đấu của nhân dân ta hết sức mãnh liệt. Những lời kêu gọi chiến đấu được Bác thể hiện qua ngôn từ giản dị, cho mọi tầng lớp nhân dân dễ hiểu được và hưởng ứng lời kêu gọi của kháng chiến.